

Số: 11/2024/QĐST-DS

Cao Phong, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn M H**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số 402 B1.4-HH022C khu đô thị Thành Hà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông **Quách Ngọc N**, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Xóm Tráng, xã Bình Thanh, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Văn phòng công chứng Đại Nam, tỉnh Hòa Bình;**

Địa chỉ: tổ 04, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Xóm Tráng, xã Bình Thanh, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2334 quyền số 05/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đại Nam giữa ông Quách Ngọc N, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn M H đối với thửa đất số 06 tờ bản đồ 51 (298419-4-d) diện tích 400m² tại xóm Nai, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 522761 do UBND huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 30/12/2016 là vô hiệu.

Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết các hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Các bên đương sự tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất.

2.2. Về án phí:

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ 150.000Đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000Đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002912 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, được đối trừ và nhận lại số tiền 150.000Đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thùy Linh

Số: 09/2024/QĐST-DS

Cao Phong, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Duy SỬ**, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: Xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình;

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Dung**, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: xóm Tiêng, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị Vân**, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Xóm Tiêng, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

- Bà Bùi Thị Dung xác nhận còn nợ lại ông Đỗ Duy SỬ số tiền 100.000Đ (Một trăm nghìn đồng).

- Bà Bùi Thị Vân xác nhận còn nợ lại ông Đỗ Duy SỬ số tiền 8.600.000Đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Bà Bùi Thị Dung có nghĩa vụ thanh toán cho ông SỬ số tiền 100.000Đ (Một trăm nghìn đồng); ngày 17/5/2024 bà Dung đã thanh toán cho ông SỬ số tiền 100.000Đ (Một trăm nghìn đồng), ông SỬ đã nhận đủ số tiền 100.000Đ (Một trăm nghìn đồng).

- Bà Bùi Thị Vân có nghĩa vụ thanh toán ông SỬ số tiền 8.600.000Đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí:

- Ông Đỗ Duy Sứ thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Bùi Thị Dung phải nộp 75.000Đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Bùi Thị Vân phải nộp 107.500Đ (*Một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thùy Linh

Số: 08/2024/QĐST-DS

Cao Phong, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Nông**, năm sinh: 1959;

Nơi cư trú: khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Quỳn**, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: xóm Dài, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn Vượng**, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền, nghĩa vụ trả nợ:

Bà Bùi Thị Quỳn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Nông, ông Nguyễn Văn Vượng số tiền 1.560.000Đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngày 24/01/2024 bà Bùi Thị Quỳn đã thanh toán cho bà Trần Thị Nông, ông Nguyễn Văn Vượng số tiền 1.560.000Đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*); bà Nông và ông Vượng đã nhận đủ số tiền 1.560.000Đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2.2. Về án phí:

Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Nông 300.000Đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0003081 ngày 26/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thùy Linh

Số: 03/2023/QĐST-DS

Cao Phong, ngày 03 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tư**, năm sinh: 1956;

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Ông **Đinh Đức Nở**, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Xóm Rú Giữa, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông **Đinh Đức Nở** xác nhận còn nợ bà **Trần Thị Tư** tổng số tiền là 30.000.000Đ (Ba mươi triệu đồng).

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông **Đinh Đức Nở** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Trần Thị Tư** tổng số tiền là 30.000.000Đ (Ba mươi triệu đồng) kể từ tháng 11 năm 2023.

2.3. Về án phí:

Các đương sự thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thùy Linh